|  |  |
| --- | --- |
|  UBND HUYỆN AN LÃO**TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I** **NĂM HỌC 2022-2023****MÔN : KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6****Thời gian làm bài : 90 phút**Giáo viên ra đề: Phan Đức Nhạc |

1. **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng số câu****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên và các phép đo** | Một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành | **1****(TN6)** |  |  |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **2** | **Chủ đề 2:****Các phép đo**  | **Nội dung 1:** Đo chiều dài, khối lượng và thời gian | **1****(TN5)** |  |  |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **Nội dung 2:** Đo nhiệt độ  | **1****(TN17)** |  |  |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **3** | **Chủ đề 3: Các thể của chất.**  | **Nội dung 1:** Sự đa dạng của chất | **1****(TN1)** |  |  |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **Nội dung 2:** Tính chất và sự chuyển thể của chất |  |  | **1****(TN18)** |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **4** | **Chủ đề 4: Oxygen và không khí** | **Nội dung:** Oxygen và không khí | **2****(TN7,TN8)** |  |  | **0,5****(TL2a)** |  | **0,5****(TL2b,2c)** |  |  | **3****29%** |
| **5** | **Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm** | **Nội dung 1:** Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng | **1****(TN2)** |  |  |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **Nội dung 2:** Một số lương thực - thực phẩm thông dụng | **3****(TN3,19,20)** |  | **1****(TN14)** |  |  |  |  |  | **4****8%** |
| **6** | **Chủ đề 6: Hỗn hợp** | **Nội dung 1:** Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch |  |  | **2****(TN4, 13)** |  |  |  |  |  | **2****4%** |
| **Nội dung 2:** Tách chất ra khỏi hỗn hợp |  |  | **1****(TN12)** |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **7** | **Chủ đề 7: Tế bào** | **Nội dung :** Tế bào- đơn vị cơ sở của sự sống | **1****(TN9)** | **0,5****(TL1a)** | **2****(TN10,11)** | **0,5****(TL1b,1c)** |  |  |  |  | **4****26%** |
| **8** | **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống** | **Nội dung 1 :** Virus và vi khuẩn |  | **0,5****(TL3a)** |  |  |  |  |  | **0,5****(TL3b)** | **1****15%** |
| **Nội dung 2 :** Đa dạng nguyên sinh vật |  |  | **1****(TN15)** |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **Nội dung 3 :** Đa dạng thực vật | **1****(TN16)** |  |  |  |  |  |  |  | **1****2%** |
| **Tổng** | **12****(24%)** | **1****(20%)** | **8****(16%)** | **1****(15%)** |  | **0,5****(20%)** |  | **0,5****(5%)** | **23****(100%)** |
| **Tỉ lệ %** | **44%** | **31%** | **20%** | **5%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **75%** | **25%** | **100%** |

1. **BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 |  **Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên và các phép đo** | **Nội dung 1:** Giới thiệu về khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên | **Nhận biết:**– Biết về vật thể | **1****(TN6)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.– Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| 2 | **Chủ đề 2:****Các phép đo** | **Nội dung 1:** Đo chiều dài, khối lượng và thời gian | **Nhận biết:**– Biết về các đơn vị đo thường dùng trong đời sống | **1****(TN5)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:** - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.- Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài, khối lượng, thời gian- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
| **Nội dung 2:** đo nhiệt độ | **Nhận biết** – Biết nhiệt độ sôi của nước ở một nhiệt độ xác định | **1****(TN17)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:** – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celcius– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| 3 | **Chủ đề 3: Các thể của chất.**  | **Nội dung 1:** Sự đa dạng của chất | **Nhận biết:**- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) | **1****(TN1)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy, sự đông đặc, sự bay hơi, sự ngưng tụ– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.– Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió |  |  |  |  |
| **Nội dung 2:** Tính chất và sự chuyển thể của chất | **Thông hiểu:**- Hiểu về hiện tượng vật lí trong tự nhiên |  | **1****(TN18)** |  |  |
| **4** | **Chủ đề 4: Oxygen và không khí** | **Nội dung:** Oxygen và không khí | **Nhận biết:**- Trạng thái của oxygen ở điều kiện thường- Tỉ lệ về thể tích của oxygen trong không khí | **2****(TN7,TN8)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**-Vai trò của oxygen trong tự nhiên và đời sống |  | **0,5****(TL2a)** |  |  |
| **Vận dụng:****-** Vận dụng kiến thức đã học liên hệ với thực tiễn chỉ ra các hoạt động gây ô nhiễm không khí- Liên hệ thực tế, kết hợp vơi kiến thức đã học đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường không khí |  |  | **0,5****(TL2b,2c)** |  |
| **5** | **Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm** | **Nội dung 1:** Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng | **Nhận biết:**- Biết về nhiên liệu lỏng | **1****(TN2)** |  |  |  |
| **Nội dung 2:** Một số lương thực - thực phẩm thông dụng | **Nhận biết:**- Biết về thành phần dinh dưỡng trong thức ăn- Cách bảo quản lương thực, thực phẩm**-** Vai trò của lương thực, thực phẩm | **3****(TN3,19,****20)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:****-** Cách bảo quản lương thực, thực phẩm |  | **1****(TN14)** |  |  |
| **6** | **Chủ đề 6: Hỗn hợp** | **Nội dung 1:** Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch | **Thông hiểu:****-** Hiểu về hỗn hợp**-** Hiểu về hỗn hợp đồng nhất |  | **2****(TN4, TN13)** |  |  |
| **Nội dung 2:** Tách chất ra khỏi hỗn hợp | **Thông hiểu:**-Tách chất bằng phương pháp lọc |  | **1****(TN12)** |  |  |
| **7** | **Chủ đề 7: Tế bào** | **Nội dung :** Tế bào- đơn vị cơ sở của sự sống | **Nhận biết:**- Biết các thành phần cấu tạo của tế bào và chức năng của từng thành phần. | **1,5****(TN9, TL1a)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:****-** Chỉ ra được điểm khác giữa tế bào thực vật với tế bào động vật.**-** Hiểu vì sao tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống - Kết quả của sự phân chia tế bào |  | **2,5****(TN10, TN11, TL1b,1c)** |  |  |
| **8** | **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống** | **Nội dung 1 :** Virus và vi khuẩn | **Nhận biết:**- Biết các bệnh do vi khuẩn và virus gây ra cho con và các sinh vật khác | **0,5****(TL3a)** |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**-Dựa vào kiến thức đã học liên hệ thực tế bản thân về phòng chống virus Corona. |  |  |  | **0,5****(TL3b)** |
| **Nội dung 2 :** Đa dạng nguyên sinh vật | **Thông hiểu:**-Hiểu về tác hại của virus |  | **1****(TN15)** |  |  |
| **Nội dung 3 :** Đa dạng thực vật | **Nhận biết:**-Các nhóm thực vật chính | **1****(TN16)** |  |  |  |
| **Tổng** | **13** | **9** | **0,5** | **0,5** |
| **Tỉ lệ %** | **44%** | **31%** | **20%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | **75%** | **25%** |

**C- ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)** Hãy khoanh tròn vào phương án trả lời đúng.

**Câu 1:** **Trong các vật thể sau, vật thể tự nhiên là:**

A. Quyển sách. B. Cái bút. C. Chiếc ấm. D. Cây bàng.

**Câu 2: Nhiên liệu lỏng ở điều kiện thường là:**

A. Xăng, dầu. B. Khí ga. C. Than củi. D. Rơm rạ

**Câu 3: Thức ăn chứa nhiều chất đạm là:**

A. Bánh mì. B. Cơm. C. Trứng. D. Thịt mỡ.

**Câu 4: Trong các gia vị sau đâu là hỗn hợp:**

A. Đường. B. Mì chính. C. Muối bột canh. D. Bột tiêu.

**Câu 5: Nước uống đóng chai được đo theo đơn vị nào?**

A. Chiều dài(m). B. Khối lượng(kg). C. Thời gian (giờ). D. Thể tích (lít).

**Câu 6: Từ nào sau đây chỉ vật thể:**

A. Đường ăn. B. Ấm nhôm. C. Khí oxi D. Sắt.

**Câu 7: Điều kiện thường oxi tồn tại trạng thái:**

A. Rắn. B. Lỏng. C. Khí. D. Cả A,B,C.

**Câu 8: Trong thành phần không khí, khí oxi chiếm tỉ lệ bằng:**

A.100%. B. 78%. C. 21%. D. 1%.

**Câu 9: Các thành phần chính của tế bào gồm:**

A. Màng, tế bào chất, không bào. B. Nhân, tế bào chất, không bào.
C. Màng, tế bào chất, nhân. D. Màng, nhân, không bào.

**Câu 10: Tế bào động vật không có thành phần nào sau đây:**

A. Màng. B. Tế bào chất. C. Nhân. D. Lục lạp.

**Câu 11: Để tách cát ra khỏi cốc nước muối người ta dùng biện pháp:**

A. Cô cạn. B. Lọc. C. Chiết D. Gạn.

**Câu 12: Một tế bào của một loài phân chia 3 lần liên tiếp, số tế bào con được tạo ra là:**

A. 2. B. 3. C. 6. D. 8.

**Câu 13: Để bảo quản các loại hạt đậu (đỗ xanh, đỗ đen...) được lâu người ta thường sử dụng phương pháp:**

A. Làm lạnh. B. Phơi khô. C. Sử dụng muối. D. Sử dụng đường.

**Câu 14: Hỗn hợp nào sau đây là hỗn hợp không đồng nhất:**

A. Nước khoáng. B. Nước muối. C. Nước đường. D. Nước lẫn dầu ăn.

**Câu 15: Để phòng tránh bệnh sốt rét do trùng sốt rét gây ra chúng ta cần phải thực hiện biện pháp gì?**

A. Vệ sinh môi trường. B.Ngủ trong màn. C.Tiêu diệt muỗi, bọ gậy. D. Cả A,B,C.

**Câu 16: Giới thực vật được chia thành mấy nhóm chính:**

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

**Câu 17: Nhiệt độ sôi của nước tinh khiết là:**

A. 0oC. B. 100oC. C. 90oC. D. 50oC.

**Câu 18: Mặt trời lên, sương tan dần là hiện tượng:**

A. Vật lí. B. Hóa học. C. Sinh học. D. Cả A và B.

**Câu 19: Thực phẩm nào sau đây chủ yếu được bảo quản bằng biện pháp đông lạnh:**

A. Trứng gà. B. Thịt lợn tươi. C. Đỗ lạc. D. Củ khoai.

**Câu 20: Trong rau xanh chứa chủ yếu loại chất nào sau đây:**

A. Tinh bột. B. Chất đạm. C. Chất béo. D. Vitamin.

**PHẦN II: TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1 (2 điểm):**

a) Nêu cấu tạo tế bào và chức năng các thành phần của tế bào?

b) Chỉ ra điểm khác biệt giữa tế bào thực vật và tế bào động vật?

c) Vì sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống?

**Câu 2 (2,5 điểm):**

a) Khí oxygen có vai trò gì?

b) Theo em những hoạt động nào của con người gây ô nhiễm không khí?

c) Đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường không khí?

**Câu 3 (1,5 điểm):**

a) Em hãy kể tên các bệnh do vi khuẩn và virus gây ra cho con người và các sinh vật khác?

b) Hiện nay virus Corona đang gây ra dịch bệnh rất nguy hiểm trên toàn cầu, vậy bản thân em đã làm gì virus nguy hiểm này cho cá nhân, gia đình và cộng đồng?

1. **ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**

*- Mỗi câu trả lời đúng được 0,2 điểm*

*- Đáp án:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | D | A | C | C | D | B | C | C | C | D |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | B | D | B | D | D | C | B | A | B | D |

**PHẦN II: TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1****(2 điểm)** |  a. Cấu tạo tế bào gồm:- Màng tế bào: Bảo vệ và cho các chất đi qua.- Chất tế bào: Chứa các bào quan và là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.- Nhân tế bào: Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào. | 1 |
|  *b.* Khác nhau giữa tế bào thực vật và tế bào động vật:- Tế bào thực vật: Màng có chứa xenlulozo, trong tế bào chất có chứa lục lạp.- Tế bào động vật: Màng không có xenlulozo, không có diệp lục.  | 0,5 |
| *c)* Tất cả các cơ thể sinh vật từ đơn giản đến phức tạp đều được cấu tạo từ tế bào. Vì vậy tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể. | 0,5 |
| **2****(2,5 điểm)** | 1. Vai trò của khí oxygen:

- Khí oxygen là thành phần quan trọng nhất đối với hoạt động hô hấp của con người, động vật và thực vật.- Khí oxygen duy trì sự cháy. | 0,5 |
| b) Một số hoạt động của con người gây ô nhiễm không khí:- Đun nấu sinh hoạt.- Phương tiện giao thông.- Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.- Cháy rừng.- Rác thải. | 1 |
| c) Các biện pháp bảo vệ môi trường không khí:- Trồng nhiều cây xanh.- Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.- Quản lí rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp.- Xây dựng hệ thống giao thông công cộng an toàn, thân thiện với môi trường.- Tiết kiệm điện và năng lượng.- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của con người. | 1 |
| **3****(1.5 điểm)** |  a, Những bệnh do vi khuẩn và virus gây nên:+ Cho con người:- Do vi khuẩn: uốn ván, thương hàn, bệnh lao…- Do virus: cúm, đậu mùa, quai bị, sởi, bại liệt, viêm gan, viêm não, hội chứng HIV/AIDS…+ Cho sinh vật:- Virus gây bệnh thối rữa ở cây ăn quả; bệnh đốm trắng hoặc nâu trên lá cây; bệnh cúm gia cầm…- Vi khuẩn gây ra bệnh bạc lá, héo lá ở cây… | 1 |
|  b, Bản thân em đã thực hiện:- Tìm hiểu về dịch bệnh và nắm được diễn biến của dịch bệnh.- Thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ y tế và các chỉ thị của chính phủ.- Chủ động tiêm phòng vacxin khi có đủ điều kiện. | 0,5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Xác nhận của BGH** |  **Xác nhận của tổ chuyên môn** |  **Người ra đề** |
|  | **Ngô Thị Thu Thanh** |  **Phan Đức Nhạc** |